

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:

Ảnh màu

4x6

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Ung thư

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ HỒNG QUANG**

2. Ngày tháng năm sinh: 07/07/1972; Nam ; Nữ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Cẩm Điền - Huyện Cẩm Giàng - Tỉnh Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 32 Ngõ 6 –Đường 800A- Tổ 32 - Phường Nghĩa Đô - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Ngoại Vú – Bệnh viện K. Số 30 Cầu Bươu – Tân Triều – Thanh Trì – Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 02437567029 ; Điện thoại di động: 0904143044;

E-mail: bslequang@gmail.com.

7. Quá trình công tác:

Từ tháng 1.2001 đến tháng 8.2004: Là bác sỹ điều trị tại Khoa Ngoại Vú (Ngoại B) – Bệnh viện K.

Từ tháng 9.2004 đến tháng 01.2016: Là bác sỹ điều trị tại Khoa Ngoại Vú – Bệnh viện K. Phó trưởng khoa Ngoại Vú.

Từ tháng 02.2016 đến nay: Là bác sỹ điều trị tại Khoa Ngoại Vú – Bệnh viện K. Trưởng khoa Ngoại Vú.

Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước
Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện K.

Địa chỉ cơ quan: Số 30 Cầu Bươu – Tân Triều – Thanh Trì – Hà Nội.

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Đại học Y Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu chưa: Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Y Hà Nội.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 31 tháng 8 năm 1996; số văn bằng: B 02772; ngành: Y, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Chuyên khoa cấp I ngày 22 tháng 2 năm 2001; số hiệu bằng: B03147; số vào sổ bằng 1311/SĐH.CK1NT; ngành: Y; chuyên ngành: Ung thư; Nơi cấp bằng Chuyên khoa cấp I: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 01 tháng 12 năm 2006; số bằng: 1019, No.A626574; ngành: Y; chuyên ngành: Ung thư ; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 12 năm 2012; số hiệu bằng: 001898, số vào sổ cấp bằng 00098; ngành: Y; chuyên ngành: Ung thư; Nơi cấp bằng TS: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

10. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư. tại HDGS cơ sở: Đại học Y Hà Nội

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Y học.

12. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Hướng nghiên cứu 1: Sinh thiết hạch cửa (Sentinel lymph node) trong ung thư vú.*
- *Hướng nghiên cứu 2: Phẫu thuật tạo hình cho bệnh nhân ung thư vú.*
- *Hướng nghiên cứu 3: Điều trị ung thư vú và bệnh lý khác của tuyến vú.*
- *Hướng nghiên cứu 4: Một số yếu tố gen, sinh học phân tử và bệnh học của ung thư vú trên người Việt Nam.*

13. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 11 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn

ThS/CK2/BSNT.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

Chủ nhiệm 07 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Chủ nhiệm nhánh 01 Đề tài cấp Nhà nước đã nghiệm thu.

Tham gia 01 Đề tài cấp Nhà nước đã nghiệm thu.

- Đã công bố (số lượng) 57 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã xuất bản 01 sách, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

14. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

02 Bằng khen của Bộ trưởng Y tế: 1421/QĐ-BYT ngày 17/04/2019 và 1815/QĐ-BYT ngày 06/04/2021.

Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở các năm 2008, 2009, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.

15. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, yêu nghề, tận tâm cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, sự nghiệp đào tạo của ngành Y.

- Là một giảng viên kiêm nhiệm có tinh thần trách nhiệm cao, hết lòng với các thế hệ học viên. Là một cán bộ quản lý tận tâm với công việc, luôn hướng đến các mục tiêu cao cả của Ngành Y.

- Phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, luôn khiêm tốn hòa đồng, chịu khó học hỏi.

- Chấp hành tốt mọi nội quy, quy chế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường và của cơ quan.

- Quan hệ tốt với đồng nghiệp, đúng mực với học viên. Luôn chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với sinh viên, học viên và đồng nghiệp.

- Chuẩn bị nội dung đầy đủ, phong phú khi được tham gia giảng dạy. Chất lượng giảng dạy tốt, được học viên đánh giá cao. Hướng dẫn nhiều học viên bảo vệ luận văn, luận án với kết quả cao.

- Kết hợp tốt giữa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân với giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng cơ quan.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017			1			182	182/207/170
2	2017-2018			2			186	186/236/170
03 năm học cuối								
3	2018-2019			2			175	175/225/135
4	2019-2020			2			180	180/230/135
5	2020-2021		1	4			144	144/260,7/135
6	2021-2022						146	146/146/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): chứng chỉ APTIS do Hội đồng Anh cấp 167 điểm tương đương mức C khung 6 bậc châu Âu (CEFR)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phan Thanh Dương		x	x		2014-2017	Đại học Y Hà Nội	2018
2	Lý Thị Thu Hiền		x	x		2017-2018	Đại học Y Hà Nội	2018
3	Trần Bá Kiên		x	x		2017-2018	Đại học Y Hà Nội	2018
4	Trần Duy Hùng		x	x		2018-2019	Đại học Y Hà Nội	2019
5	Nguyễn Tài Bùi Đạt		x	x		2018-2019	Đại học Y Hà Nội	2019
6	Đào Thanh Bình		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	2021
7	Bùi Anh Tuấn		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	2021
8	Đào Minh Thế		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	2021
9	Quách Thanh Tùng		x	x		2020-2021	Đại học Y Hà Nội	2022
10	Nguyễn Khắc Tiến		x	x		2020-2021	Đại học Y Hà Nội	2022
11	Nguyễn Công Huy		x	x		2019-2021	Đại học Y Hà Nội	2022
12	Nguyễn Công Hoàng	x			x	2016-2021	Đại học Y Hà Nội	2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Phẫu thuật bệnh ung thư vú	TK	Nhà xuất bản Y học, 2015	15	Chủ biên	127-232; 255-259	

Trong đó: Số lượng **01** (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [1]

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày, tháng, năm nghiệm thu/Kết quả
Trước khi cấp bằng Tiến sĩ					
1	Nghiên cứu dịch tễ học, chẩn đoán, điều trị, phòng chống một số bệnh ung thư ở Việt Nam (vú, gan, dạ dày, phổi, máu)	Tham gia	Nhà nước KC. 10.06		31/10/2007 B
Sau khi cấp bằng Tiến sĩ					
2	Đánh giá vai trò tiên lượng xa của Her-2/neu trên các bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến vú có thụ thể nội tiết dương tính	X	Cơ sở	2014	19/12/2014

3	Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ mới trong chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư vú.	Chủ nhiệm nhánh	Nhà nước KC10.17 /11-15		20/7/2016 Khá
4	Đánh giá kết quả bước đầu phẫu thuật cắt tuyến vú tiết kiệm da hoặc bảo tồn núm vú kết hợp với túi độn trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn sớm	X	Cơ sở	2018	28/12/2018 A
5	Đánh giá kết quả áp dụng kỹ thuật tạo hình kiểu chữ B cải tiến trong phẫu thuật bảo tồn ung thư vú tại Bệnh viện K	X	Cơ sở	2018	28/12/2018 A
6	Nghiên cứu một số chỉ số nhân trắc tuyến vú của phụ nữ điều trị tại khoa Ngoại Vú, Bệnh viện K.	X	Cơ sở	2019	24/12/2019 A
7	Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật tái tạo tuyến vú sử dụng vật da cơ thẳng bụng (TRAM) sau cắt toàn bộ tuyến vú tại Bệnh viện K.	X	Cơ sở	2020	29/12/2020 B
8	Đánh giá kết quả bước đầu áp dụng các kỹ thuật dịch chuyển mô vú trong phẫu thuật bảo tồn ung thư vú tại Bệnh viện K.	X	Cơ sở	2020	29/12/2020 B
9	Đánh giá kết quả điều trị áp xe tuyến vú tại Khoa Ngoại B – Bệnh viện K	X	Cơ sở	2021	31/12/2021 A

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm;
TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập số, trang	Năm công bố
<i>Trước khi được công nhận Tiến sĩ</i>								
1	Nghiên cứu xây dựng quy trình chẩn đoán sớm ung thư vú	5		Đặc san Ung thư học ISSN: 1859-400			Quý III, 229– 237	2005
2	Phẫu thuật tạo hình giảm thể tích tuyến vú: Bước đầu nhận xét kết quả điều trị bệnh lý phì đại tuyến vú tại Bệnh viện K	2		Đặc san Ung thư học ISSN: 1859-400			Quý III, 238– 241	2005
3	Nhận xét vai trò của phương pháp sinh thiết mở kết hợp với chụp tuyến vú có định vị ba chiều bằng dây kim loại để phát các ung thư sớm tiền lâm sàng	3		Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh ISSN: 1859-1779			Phụ bản tập 9, 4, 425– 429	2005

4	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi cắt buồng trứng trong điều trị bệnh nhân ung thư vú còn kinh nguyệt có thụ thể nội tiết dương tính	3	X	Tạp Chí Ung Thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			1, 249–252	2008
5	Sinh thiết hạch cửa đánh giá tình trạng di căn hạch nách trong ung thư vú: Bước đầu nhận xét về vai trò của sinh thiết tức thì trong mổ	3	X	Tạp Chí Ung Thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			1, 253 - 256	2008
6	Peak bone mineral density in vietnamese women	8		Arch osteoporos ISSN: 1862-3514	ISI: IF 0.926 DOI: 10.1007/s11657-009-0021-0		4 (1-2), 9-15	2009
7	Nghiên cứu hiệu quả của phẫu thuật cắt tuyến vú kết hợp với cắt buồng trứng theo các pha của chu kỳ kinh nguyệt trên các bệnh nhân ung thư vú còn kinh nguyệt	5		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			669, 8/2009, 37-42	2009

8	Nghiên cứu tác dụng không mong muốn của phương pháp điều trị hỗ trợ bằng cắt buồng trứng và tamoxifen cho bệnh nhân ung thư vú tiền mãn kinh	5		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			669, 8/2009 , 6-11	2009
9	Nhận xét vai trò của nhuộm hóa mô miễn dịch đánh giá di căn hạch cửa trong ung thư vú	3	X	Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh ISSN: 1859-1779			13,6, 389– 394	2009
10	Đánh giá biểu hiện gen mammaglobin ở bệnh nhân ung thư vú	8		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			745, 12, 92- 94	2010
11	Family History, BRCA Mutations and breast cancer in Vietnamese Women	13		Clinical Genetics ISSN: 1399-0004	ISI, IF 4.104 DOI: 10.1111/j.1399 - 0004.2010.015 45.x	31	80,1,8 9-92	2011
12	Đánh giá vai trò của nhuộm hóa mô miễn dịch trong xác định vi di căn hạch cửa của ung thư vú giai đoạn sớm tại Bệnh viện K	2		Tạp chí Y dược lâm sàng 108 ISSN: 1859 - 2872			7, 2, 133- 137	2012

13	Kỹ thuật hiện hình hạch bằng đồng vị phóng xạ Tc-99m hướng dẫn sinh thiết hạch cửa trong ung thư vú tại Bệnh viện K	2		Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354 – 080X			3C, phụ trương 80, 83 -89	2012
14	Lâm sàng, mô bệnh học và điều trị hỗ trợ ban đầu ở bệnh nhân ung thư vú tái phát di căn xa sau điều trị	3		Tạp Chí Ung Thư học Việt Nam ISSN: 1859 - 400			4, 414 - 417	2012

II. Sau khi được công nhận Tiến sĩ

Các bài báo Quốc tế

15	CYP2D6 genotypes, endoxifen levels, and disease recurrence in 224 Filipino and Vietnamese women receiving adjuvant tamoxifen for operable breast cancer	14		SpringerPlus ISSN: 2193-1801	ISI, IF 0.409 DOI: 10.1186/2193-1801-2-52	26	1, 2, 52	2013
16	Bone mineral density following surgical oophorectomy and tamoxifen adjuvant therapy for breast cancer	15		Cancer ISSN: 1097-0142	ISI, IF 5.742 DOI: 10.1002/ cncr.28302	19	21,119 , 3746– 3752	2013

17	Timing of adjuvant surgical oophorectomy in the menstrual cycle and disease-free and overall survival in premenopausal women with operable breast cancer	21		Journal of the National Cancer Institute ISSN: 1460 -2105	ISI, IF 10.211 DOI: 10.1093/jnci/djv064	19	6,107	2015
18	A Matched Case-Control Study of Risk Factors for Breast Cancer Risk in Vietnam	9		International Journal of Breast Cancer ISSN: 2090 - 3170	ISI, IF 0.567 DOI: 10.1155/2016/7164623	33	ID 71646 23	2016
19	Molecular changes in premenopausal oestrogen receptor-positive primary breast cancer in Vietnamese women after oophorectomy	13		NPJ Breast Cancer ISSN: 2374 - 4677	ISI, IF 6.0 DOI:10.1038/s41523-017-0049-z	6	3:47, 1 - 8	2017
20	Menstrual cycle associated changes in hormone-related gene expression in oestrogen receptor positive breast cancer	22		NPJ breast cancer ISSN: 2374-4677	ISI, IF 6.0 DOI: 10.1038/s41523-019-0138-2	12	(2019) 5:42	2019

21	Malignant phyllodes tumor with synchronous metastases to axillary lymph nodes, lung at the presentation: a case report and literature review	2	X	Journal of Surgical Case Reports ISSN: 2042-8812	Scopus,Q4 Citescore 0.44 DOI: 10.1093/jscr/rjab302		Vol 2021,7 ,p1-3	2021
22	Thoracodorsal Artery Perforator Flap for Chronic Radiation Induced Ulcer of the Axilla in Vietnam	2	X	Case Reports in Oncological Medicine ISSN: 2090 -6714	ISI, IF 0.173 DOI: 10.1155/2021/8478006		Vol 2021,A rticle ID 8478006	2021
23	Breast Anthropometry: Values and Application in Breast Surgery for Vietnamese Women	2	X	Asian Pacific Journal of Cancer Prevention ISSN: 1513 - 762X	Scopus,Q2 Citescore 3.1 DOI: 10.31557/APJCP.2022.23.2.665		23 (2), 665-671	2022
Các bài báo trong nước								
24	Kết quả kỹ thuật nhuộm màu sinh thiết hạch cửa trong điều trị ung thư biểu mô tuyến vú giai đoạn sớm tại Bệnh viện K	5		Tạp Chí Ung Thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			2, 543-549	2014

25	Đánh giá kết quả sớm điều trị hóa chất hỗ trợ trước bằng phác đồ TAXANES-DOXORUBICIN (TA) kết hợp phẫu thuật bảo tồn trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II (T2, N0,1,M0).	4	X	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			4, 30-36	2016
26	Di chứng phù bạch huyết và tê bì cánh tay sau sinh thiết hạch cửa trên 243 bệnh nhân ung thư vú giai đoạn sớm tại bệnh viện K	9		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			4,57-68	2016
27	Đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học bệnh nhân ung thư vú hai bên đồng thời giai đoạn I, II tại Bệnh viện K	8		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			1051, 153-155	2017
28	Tác dụng không mong muốn của xạ trị điều biến liều với collimator đa lá cho bệnh nhân ung thư vú giai đoạn I-II điều trị bảo tồn tại Bệnh viện K	6		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			462, 2/1, 66-68	2018

29	Thời gian sống thêm không bệnh nhân ung thư vú hai bên giai đoạn I, II tại Bệnh viện K	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			465, 1/3, 62-65	2018
30	Sống thêm và tái phát của bệnh nhân ung thư vú có bộ ba âm tính sau điều trị hỗ trợ bằng phác đồ 4AC-4Taxane	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			471, số chuyên đề ung thư,18 8-194	2018
31	Kết quả sinh thiết hạch cửa bằng xanh methylen trong điều trị ung thư vú giai đoạn sớm tại Bệnh viện K	7		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			471, số chuyên đề ung thư, 223- 232	2018
32	Đánh giá kết quả áp dụng kỹ thuật tạo hình kiểu chữ B cải tiến trong phẫu thuật bảo tồn ung thư vú tại bệnh viện K	6	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			471, số chuyên đề ung thư, 182- 188	2018
33	Nhận xét kết quả bước đầu xạ trị điều biến liều (IMRT - MLC) cho bệnh nhân ung thư vú điều trị bảo tồn tại Bệnh viện K	5		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			471, số chuyên đề ung thư, 112- 118	2018

34	So sánh sự phân bố liều xạ của kỹ thuật xạ điều biến liều (IMRT) với 3D trong điều trị ung thư vú bảo tồn	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			485, 197- 202	2019
35	Phẫu thuật tái tạo vú một thì bằng túi độn: Kinh nghiệm bước đầu tại Bệnh viện K	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			489, 69-73	2020
36	Áp dụng kỹ thuật tạo hình kiểu chữ B cải tiến trong phẫu thuật bảo tồn ung thư vú tại Bệnh viện K	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			489, 119 - 122	2020
37	Khảo sát tỷ lệ xâm nhiễm tế bào ung thư vào quầng, núm vú trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn còn mổ được	9		Tạp chí Y dược học Quân Sự ISSN: 1859 - 0748			45,9,1 07-144	2020
38	Kết quả bước đầu phẫu thuật tái tạo tuyến vú bằng túi độn một thì trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn I, II tại Khoa Ngoại vú, Bệnh viện K	7		Tạp chí Y dược học Quân Sự ISSN: 1859 - 0748			45, 4, 73 - 78	2020

39	Áp dụng các kỹ thuật dịch chuyển mô vú trong phẫu thuật bảo tồn ung thư vú tại Bệnh viện K	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			497, 116 – 127	2020
40	Đánh giá kết quả phẫu thuật bảo tồn và sinh thiết hạch cửa trong điều trị ung thư biểu mô tuyến vú từ 2012 – 2014 tại Bệnh viện K	5		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			497, 89 – 98	2020
41	Tạo hình thành ngực điều trị viêm loét do xạ bằng vật da cơ lưng rộng: nhân một trường hợp	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			509, 2/12, 231- 234	2021
42	Đánh giá kết quả điều trị bệnh Paget vú tại Bệnh viện K	5		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			509, 2/12, 181- 184	2021
43	Kết quả thẩm mỹ phẫu thuật tái tạo vú bằng túi độn và các yếu tố liên quan	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			509, 2/12, 319- 323	2021

44	Kết quả phẫu thuật tạo hình vú bằng vật da cơ thẳng bụng sau cắt tuyến vú tại bệnh viện K	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			508, 2/11, 226- 229	2021
45	Một số đặc điểm bệnh học và kết quả điều trị bệnh ung thư vú ở nam giới	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			510, 2/1, 79 - 82	2021
46	So sánh thể tích tuyến vú đo bằng hai phương pháp tại Bệnh viện K	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354 – 080X			151(3), 137- 143	2022
47	Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật bảo tồn ung thư vú có sử dụng kỹ thuật tạo hình T ngược	3		Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354 – 080X			150 (2), 154 - 166	2022
48	Các đặc điểm lâm sàng-bệnh học và kết quả điều trị U phyllodes tuyến vú tại Bệnh viện K	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			510, 2/1, 138 - 141	2022
49	Kết quả phẫu thuật bảo tồn ung thư vú áp dụng các kỹ thuật tạo hình với khối u tại vị trí ít nhu mô tuyến vú	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			511, 2/2, 65-69	2022

50	Một số đặc điểm bệnh học và kết quả điều trị áp-xe tuyến vú tại Khoa Ngoại B, Bệnh viện K	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			511, 2/2, 117 - 121	2022
51	Kết quả phẫu thuật bảo tồn ung thư vú có sử dụng kỹ thuật tạo hình Round-block cho khối u nửa trên tuyến vú	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			511, 2/2, 225 - 229	2022
52	Báo cáo loạt ca lâm sàng: ứng dụng nội soi thu hoạch vạt cơ lưng rộng tái tạo tuyến vú tức thì sau phẫu thuật bảo tồn núm vú	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			512,1/ 3, 268 - 271	2022
53	Nghiên cứu tỷ lệ hoại tử vạt và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân tái tạo vú bằng vạt TRAM	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			512,2/ 3, 125 - 129	2022
54	Đánh giá tình trạng di căn hạch nách và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn I-IIIa tại Bệnh viện K	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			512,2/ 3, 55 - 59	2022

55	Kết quả tạo hình tuyến vú bằng vật da cơ lưng rộng sau phẫu thuật bảo tồn tuyến vú tại bệnh viện K	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 - 1868			513, 1/4, 74 -77	2022
56	Nghiên cứu các chỉ số nhân trắc tuyến vú phụ nữ và một số yếu tố liên quan	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354 – 080X			153, 5, 83 - 90	2022
57	Kết quả điều trị ung thư biểu mô tuyến vú thể nội ống tại bệnh viện K	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859 – 1868			154, 2/5, 242 – 245	2022

- Trong đó: **03** bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín là tác giả chính sau bảo vệ TS (*Số thứ tự [21], [22], [23]*).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ...

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

(UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Hồng Quang